TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2017
V/v ly hôn giữa chị D và anh B.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoan;
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/8/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1985 "có mặt"
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.
Bị đơn: Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1973 "vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang .
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N.

Do ông Nguyễn Phương Bắc, chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng đại diện theo ủy quyền "có đơn xin xét xử vắng mặt"

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình B có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 14/9/2004 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi

cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế từ năm 2010 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh ngày 01/02/2006, Nguyễn Thị Khánh Ly, sinh ngày 11/4/2008 và cháu Nguyễn Đình Nhật Anh, sinh ngày 25/9/2013, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn vợ chồng chị thống nhất để chị nuôi hai con Ngọc Lan và Khánh Ly. Anh B nuôi con Nhật Anh. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị có yêu cầu giải quyết về tài sản là 01 xe máy, 03 vạn gạch, 01 ti vi và ruộng canh tác và nợ của vợ chồng chị Vũ Thị Huế và anh Nguyễn Văn Thắng ở thôn H, H, N 83 triệu tiền cám, 153 triệu đồng tiền làm chuồng trại. Nay vợ chồng chị tự thống nhất được phần chia tài sản trên và trả nợ chị Huế, anh Thắng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về số tiền 40.000.000 đồng vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N năm 2015 nay chưa đến hạn thanh toán. Vợ chồng chị thống nhất để chị trả nợ Ngân hàng khi đến hạn.

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Đình B trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị D trình bày là đúng. Nay chị D xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh ngày 01/02/2006, Nguyễn Thị Khánh Ly, sinh ngày 11/4/2008 và Nguyễn Đình Nhật Anh, sinh ngày 25/9/2013, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn vợ chồng anh thống nhất chị D nuôi hai con Ngọc Lan và Khánh Ly. Anh nuôi con Nhật Anh. Cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh có yêu cầu giải quyết về tài sản là: 01 xe máy, 03 vạn gạch, 01 ti vi và ruộng canh tác và nợ của vợ chồng chị Vũ Thị Huế và anh Nguyễn Văn Thắng ở thôn H, H, N 83 triệu tiền cám, 153 triệu tiền làm chuồng trại. Nay vợ chồng anh thống nhất tự phân chia những tài sản trên và trả nợ chị Huế, anh Thắng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về số tiền 40.000.000 đồng năm 2015 vợ chồng anh có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N nay chưa đến hạn thanh toán, vợ chồng anh thống nhất để chị D trả nợ Ngân hàng khi đến hạn.

Tại phiên tòa hôm nay anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX công bố lời khai của anh B.

Tại các lời khai Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, do ông Nguyễn Phương Bắc, phó Giám đốc Ngân hàng đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 07/8/2015 Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N đã cho hộ chị Trần Thị D vay số tiền 40 triệu đồng theo chương trình vay hộ nghèo, với lãi suất 0,55%/tháng, thời hạn trả là ngày 07/8/2020. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2017 hộ gia

đình chị D đã trả đủ lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Nay cả chị D và anh B đều thừa nhận số tiền vay trên và đã thống nhất chị D phải thanh toán khi đến hạn nên Ngân hàng cũng nhất trí như thỏa thuận của chị D và anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong cả quá trình tố tụng, đảm bảo đúng quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đình B.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh ngày 01/02/2006 và Nguyễn Thị Khánh Ly, sinh ngày 11/4/2008 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Đình Nhật Anh, sinh ngày 25/9/2013 cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản: Chị Trần Thị D có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh khi đến hạn. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh B và Ngân hàng những văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh B và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần căn cứ Điều 227, Điều 228 để xét xử vắng mặt anh B và Ngân hàng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đình B đăng ký kết hôn ngày 14/9/2004 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị D và anh B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu nhau và sống ly thân từ tháng 8/2015 đến nay, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị D xin ly hôn, anh B cũng nhất trí. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D, anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh B.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh B có 3 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh ngày 01/02/2006, Nguyễn Thị Khánh Ly, sinh ngày 11/4/2008 và Nguyễn Đình Nhật Anh, sinh ngày 25/9/2013, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn vợ chồng chị D, anh B thống nhất để chị D nuôi hai con Ngọc Lan và Khánh Ly. Anh B nuôi con Nhật Anh,

nguyện vọng của cháu Lan và cháu Ly cũng muốn được ở với chị D nên cần giao con Ngọc Lan và Khánh Ly cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Nhật Anh cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Khi thụ lý vụ án chị D và anh B có yêu cầu giải quyết về tài sản chung là: 01 xe máy, 03 vạn gạch, 01 ti vi, ruộng canh tác và nợ của vợ chồng chị Vũ Thị Huế và anh Nguyễn Văn Thắng ở thôn H, H, N 83 triệu tiền cám và 153 triệu tiền làm chuồng trại, nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N 40 triệu đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị D, anh B tự giải quyết tài sản 01 xe máy, 03 vạn gạch, 01 ti vi, ruộng canh tác và nợ của vợ chồng chị Huế và anh Thắng 83 triệu tiền cám và 153 triệu tiền làm chuồng trại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Còn lại số tiền 40 triệu đồng vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N năm 2015 nay chưa đến hạn thanh toán. Chị D, anh B thống nhất chị D có trách nhiệm thanh toán cả tiền gốc và lãi phát sinh. Ngân hàng cũng nhất trí để chị D trả nợ nên cần giao cho chị D trực tiếp trả số nợ này.

Về án phí: Chị D thuộc hộ nghèo nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đình B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh ngày 01/02/2006 và Nguyễn Thị Khánh Ly, sinh ngày 11/4/2008 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Đình Nhật Anh, sinh ngày 25/9/2013 cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị D và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. *Về tài sản* : Giao cho chị Trần Thị D có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

4. Án phí: Chị D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí DSST. Hoàn trả chị D số tiền 1.700.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002523 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
VKS, THA huyệnN,
- Các đương sự;
- UBND xã H, N;
- Lưu vp, hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2017.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ và bà Nguyễn Thị Hoan

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 224/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung và chia tài sản, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang.
Bị đơn: Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Giang .
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N.

Do ông Nguyễn Phương Bắc, chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng đại diện theo ủy quyền.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Đình B.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh ngày 01/02/2006 và Nguyễn Thị Khánh Ly, sinh ngày 11/4/2008 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Đình Nhật Anh, sinh ngày 25/9/2013 cho anh Nguyễn Đình B trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị D và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. *Về tài sản* : Giao cho chị Trần Thị D có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Hoàn trả chị D số tiền 1.700.000 đồng chị D đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002523 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 50 phút, ngày 12 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hoài Mơ **Nguyễn Thị Hoan** **Tạ Thị Thu Thủy**